

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **83/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 16-9-2020

V/v “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trần Trường Phát**.

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Châu Văn Nhâm**.

2. Bà **Cao Thị Mận**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Hạ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa:
Bà **Phạm Thị Lý** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại Toà án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 520/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2019 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1993.

Địa chỉ nơi đăng ký thường trú: ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ nơi ở hiện nay: ấp N, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh **Phạm D**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

(Chị *Nguyễn Thị H* và anh *Phạm D* vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai bổ sung, nguyên đơn chị **Nguyễn Thị H** trình bày: Trên cơ sở tự nguyện chị và anh **Phạm D** chung sống với nhau và đăng ký kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Cuộc sống chung của vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, anh chị không còn sống chung từ tháng 7/2019 đến nay, anh chị đã cố gắng tự hòa giải nhưng không thể hàn gắn tình cảm để tiếp tục

sống chung. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Phạm D.

Về con chung: Chị và anh Phạm D có 02 người con là cháu Phạm Quang B sinh ngày 05/6/2014 và cháu Phạm Duy A sinh ngày 11/5/2018; Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Duy A, không yêu cầu anh Phạm D cấp dưỡng nuôi con; Chị đồng ý giao cháu Phạm Quang B cho anh Phạm D trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- Quá trình làm việc và tại phiên tòa, bị đơn anh Phạm D vắng mặt nên không có lời trình bày.

- Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc: về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và sự chấp hành pháp luật của các đương sự cơ bản đúng pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm D; Về con chung, giao cháu Phạm Duy A sinh ngày 11/5/2018 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; chị Nguyễn Thị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét; giao cháu Phạm Quang B sinh ngày 05/6/2014 cho anh Phạm D trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; Về tài sản chung và nợ chung, không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Phạm D hiện đang cư trú tại ấp B, xã X, huyện Xuân Lộc và yêu cầu nuôi dưỡng con chung nên quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Phạm D nên chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn, anh Phạm D là bị đơn.

[3] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có đơn xét xử vắng mặt; anh Phạm D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị H và anh Phạm D là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm D tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo luật định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị Nguyễn Thị H cho rằng vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Chị và anh Phạm D không còn sống chung từ tháng 7/2019 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Phạm D nhiều lần nhưng anh Phạm D vẫn không có mặt để làm việc. Tuy nhiên, qua xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ thể hiện: Anh Phạm D và chị Nguyễn Thị H sống chung với nhau có 02 người con chung, chị Nguyễn Thị H là

người đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Duy A, anh Phạm D là người đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Quang B; Cuộc sống chung của vợ chồng anh chị cũng có xảy ra mâu thuẫn, đã được gia đình hai bên hòa giải, nhưng anh chị không khắc phục được mâu thuẫn, đến nay thì anh chị đã không còn sống chung; Anh Phạm D đã biết việc chị Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn nhưng bận công việc nên không đến Tòa án làm việc và hòa giải hành gần tình cảm. Như vậy, đã đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phạm D đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn tình cảm, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nên chấp nhận cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Phạm D là phù hợp.

[5] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Phạm Duy A sinh ngày 11/5/2018 và đồng ý giao cháu Phạm Quang B sinh ngày 05/6/2014 cho anh Phạm D trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu Phạm Duy A hiện đang sống cùng chị Nguyễn Thị H và cháu Phạm Quang B hiện đang sống cùng anh Phạm D, quá trình giải quyết vụ án anh Phạm D không có lời khai nêu ý kiến về việc nuôi con chung khi ly hôn. Vì vậy, nên giao cháu Phạm Duy A cho chị Nguyễn Thị H và giao cháu Phạm Quang B cho anh Phạm D, tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tạm thời chị Nguyễn Thị H không yêu cầu anh Phạm D cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm D không có lời trình bày nên không có cơ sở xem xét giải quyết yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị H trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc về đường lối giải quyết vụ án phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Phạm D.

- Về con chung:

Giao cháu Phạm Duy A sinh ngày 11/5/2018 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Giao cháu Phạm Quang B sinh ngày 05/6/2014 cho anh Phạm D trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Tạm thời chị Nguyễn Thị H và anh Phạm D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm D được quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Khi cần thiết, chị Nguyễn Thị H và anh Phạm D được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0003172 ngày 25/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc, chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- CCTHADS huyện Xuân Lộc;
- UBND xã X, huyện X;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Trần Trường Phát